**PHỤ LỤC**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG,**

**THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**

**CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-UBND ngày 03 /01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới: 06 TTHC**

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Mã TTHC** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Mức dịch vụ công trực tuyến** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định lần đầu | 1.013089 | Ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định | - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định | Toàn trình | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tả.i  - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính |
| 2 | Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng | 1.013092 | - Trường hợp bị sai thông tin, bị hỏng: ngay trong ngày nhận được hồ sơ.  - Trường hợp bị mất: 15 ngày kể từ ngày đăng cảnh báo. | - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | 23.000 đồng/01 Giấy chứng nhận | Toàn trình | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải.  - Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 3 | Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo | 1.013097 | - Trường hợp bị mất, hỏng, sai thông tin:  + 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm;  + 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được hồ sơ đối với trường hợp hồ sơ lưu trữ tại cơ sở đăng kiểm khác.  - Trường hợp giấy chứng nhận có thời hạn: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá xe thực tế đạt yêu cầu. | - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | - Lệ phí cấp giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  - Giá dịch vụ kiểm định: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/12/2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Toàn trình | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận.  - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính  - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính |
| 4 | Chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 1.013101 | - Nộp trực tiếp: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ.  - Nộp qua hệ thống trực tuyến: ngay trong ngày khi chủ xe đưa xe mô tô, xe gắn máy đến. | - Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | Theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Một phần | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 5 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 1.013105 | 23 ngày làm việc, trong đó:  + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc;  + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ.  + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.  - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.  - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Không | Một phần | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải |
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | 1.013110 | - Trường hợp cấp lại do bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính:05 ngày làm việc.  - Trường hợp cấp lại cơ sở kiểm định khí thải thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng thiết bị kiểm tra; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy: 23 ngày làm việc, trong đó:  + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc;  + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ.  + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.  - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.  - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Không | Một phần | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 03 TTHC**

| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** | **Mã TTHC** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Mức dịch vụ công trực tuyến** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy) | 1.005103 | - Thời hạn: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;  - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:  + Kiểm định tại cơ sở và ngoài cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ đầy đủ.  + Thời hạn trả kết quả:  . Kiểm định tại cơ sở: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra;  . Kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra. | -Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | - Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Một phần | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận.  - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính  - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính |
| 2 | Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 1.001322 | 23 ngày làm việc, trong đó:  + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc;  + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ.  + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.  - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.  - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Không | Một phần | - Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải |
| 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới | 1.001296 | - Cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, bị hỏng, thay đổi thông tin địa giới hành chính; cơ sở đăng kiểm xe cơ giới giảm số lượng dây chuyền kiểm định so với nội dung đã được chứng nhận nhưng các dây chuyền kiểm định còn lại vẫn đảm bảo điều kiện hoạt động:05 ngày làm việc.  - Cấp lại do cơ sở đăng kiểm xe cơ giới thay đổi vị trí; tăng thêm số lượng dây chuyền kiểm định; thay đổi loại dây chuyền kiểm định; thay đổi thiết bị kiểm tra làm thay đổi loại phương tiện được kiểm định; bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới: 23 ngày làm việc, trong đó:  + Tiếp nhận hồ sơ: 03 ngày làm việc;  + Kiểm tra, đánh giá thực tế: 15 ngày kể từ ngày lập thông báo tiếp nhận hồ sơ.  + Cấp Giấy chứng nhận: 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra, đánh giá thực tế đạt yêu cầu. | - Cơ quan thực hiện TTHC: Sở Giao thông vận tải.  - Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: Sở Giao thông vận tải.  - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. | Không | Toàn trình | Thông tư số 46/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải |

**3. Danh mục thủ thục hành chính được thay thế: 02 TTHC**

| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC được thay thế** | **Mã TTHC** | **Tên TTHC thay thế** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Phí, lệ phí (nếu có)** | **Mức dịch vụ công trực tuyến** | **Căn cứ pháp lý** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.001261 | Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | 1.013205 | Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe máy chuyên dùng | - Thời hạn kiểm tra, đánh giáhồ sơ: ngay trong ngày nhận được hồ sơ;  - Thời hạn kiểm tra, đánh giá xe:  + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay khi nhận được hồ sơ.  + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị: tiến hành kiểm tra, đánh giá xe theo lịch hẹn.  - Thời hạn trả kết quả:  + Trường hợp kiểm định tại cơ sở đăng kiểm: ngay sau khi kết thúc việc kiểm tra, đánh giá;  + Trường hợp kiểm định ngoài đơn vị đăng kiểm: 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra. | -Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | - Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Một phần | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận.  - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính  - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính |
| 2 | 1.004325 | Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, tem lưu hành cho xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ |
| 3 | 1.005005 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ |
| 4 | 1.005018 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo | 1.013206 | Chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo | -Kiểm tra, đánh giá hồ sơ thiết kế cải tạo (trường hợp phải lập hồ sơ thiết kế): 05 ngày làm việc; -Cấp Giấy chứng nhận:  +Trường hợp lập hồ sơ thiết kế: 05 ngày kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá xe thực tế và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. +Trường hợp không phải lập hồ sơ thiết kế: ngay trong ngày nhận đủ hồ sơ và kết quả kiểm tra, đánh giá thực tế xe đạt yêu cầu. | -Cơ quan tiếp nhận và thực hiện giải quyết TTHC: Đơn vị đăng kiểm  -Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Đơn vị đăng kiểm | - Lệ phí giấy chứng nhận: 40.000 đồng/01 Giấy chứng nhận kiểm định, riêng đối với ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 90.000 đồng/01 Giấy chứng nhận.  - Giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo về môi trường: Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24/8/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. | Một phần | - Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giao thông vận.  - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016; Thông tư số 36/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính  - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 12 năm 2016; Thông tư số 55/2022/TT-BTC ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính |
| 5 | 1.012323 | Cấp Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng cải tạo |

**4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ: 02 TTHC**

| **STT** | **Mã TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ, lý do bãi bỏ** | **Cơ quan thực hiện** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | 1.001001.000.00.00.H53 | Thẩm định thiết kế cải tạo xe cơ giới | Thông tư số 47/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định trình tự, thủ tục kiểm định, miễn kiểm định lần đầu cho xe cơ giới, xe máy chuyên dùng; trình tự, thủ tục chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo; trình tự, thủ tục kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy | Sở Giao thông vận tải |
| 2 | 1.001261.000.00.00.H53 | Cấp Giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ | Đơn vị đăng kiểm |